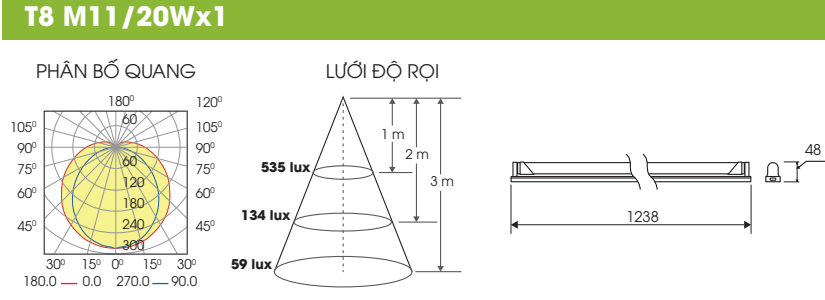
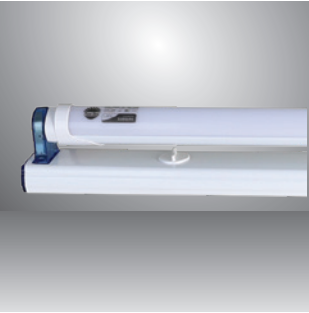
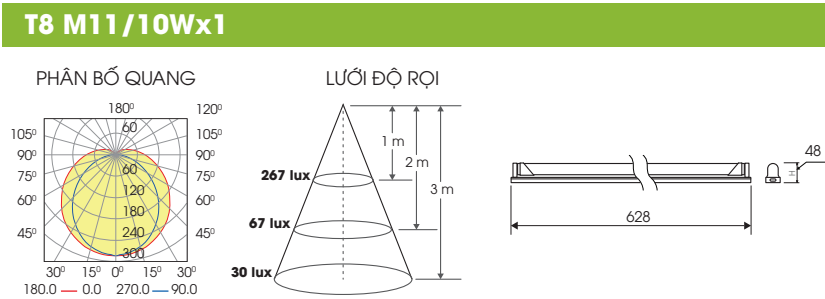
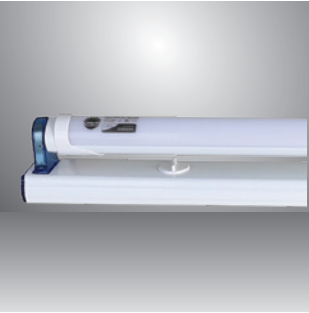
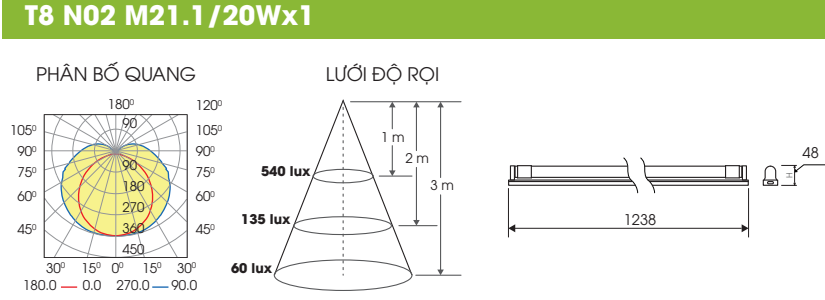
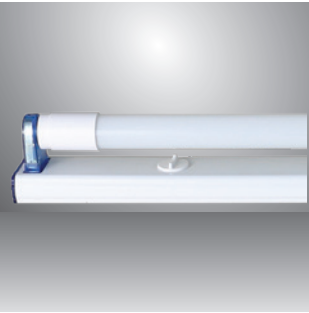
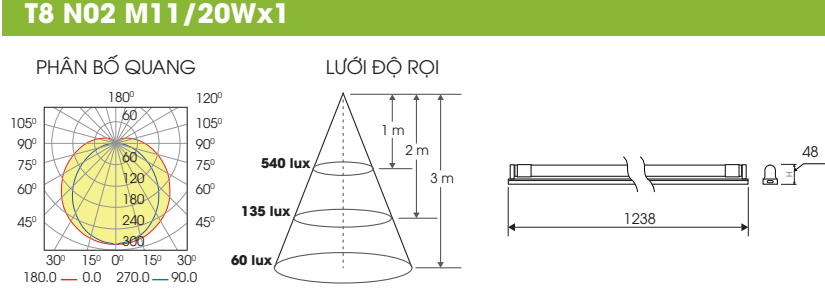
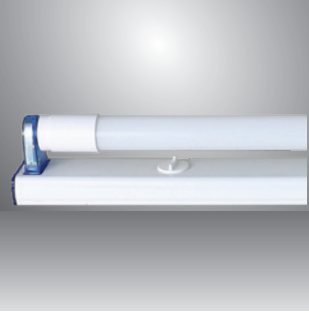
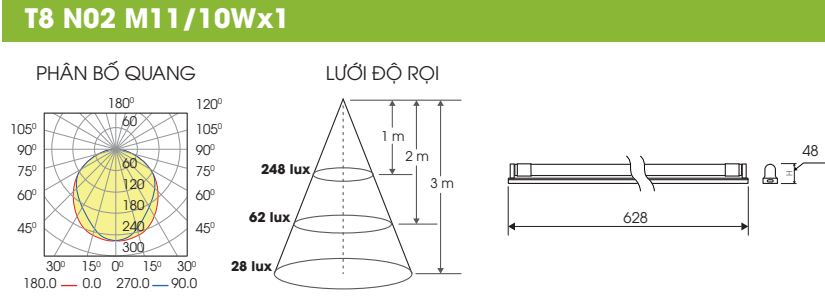
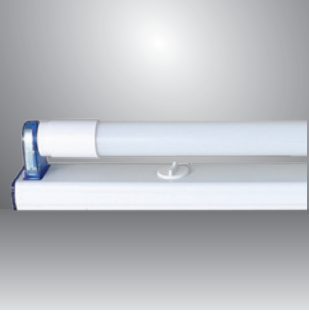


BỘ ĐÈN LED TUBE NHÔM NHỰA



BỘ ĐÈN LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 M11/10Wx1	10	150÷250	0.5	85	1000	Trắng/Vàng	82	30.000	48x628
T8 M11/20Wx1	20	150÷250	0.5	100	2300	Trắng/Vàng	82	30.000	48x1238
T8 N02 M11/10Wx1	10	150÷250	0.5	110 (6500K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/6500	82	20.000	48x628
T8 N02 M11/20Wx1	20	150÷250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20.000	48x1238
T8 N02 M21.1/20Wx1	20	150÷250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20.000	48x1238